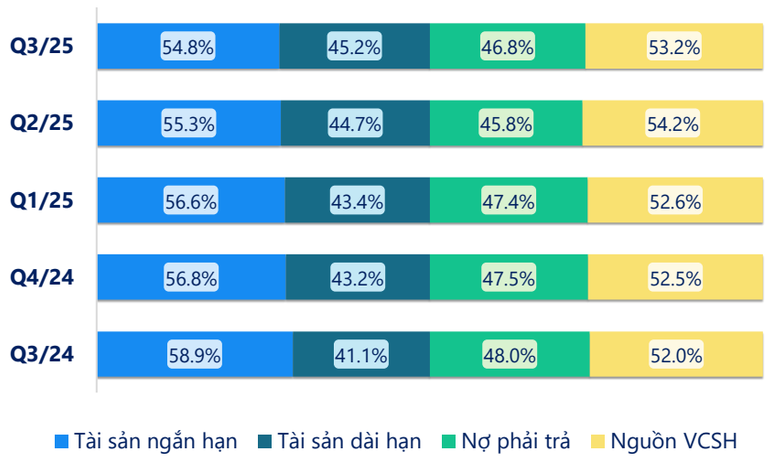
FireAnt

CTCP Phát triển Đô thị (UPCOM: UDJ)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	7,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,625
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,844
SL cổ phiếu LH	16,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,185
% sở hữu nước ngoài	4.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	122
P/E	52.8
EPS	140

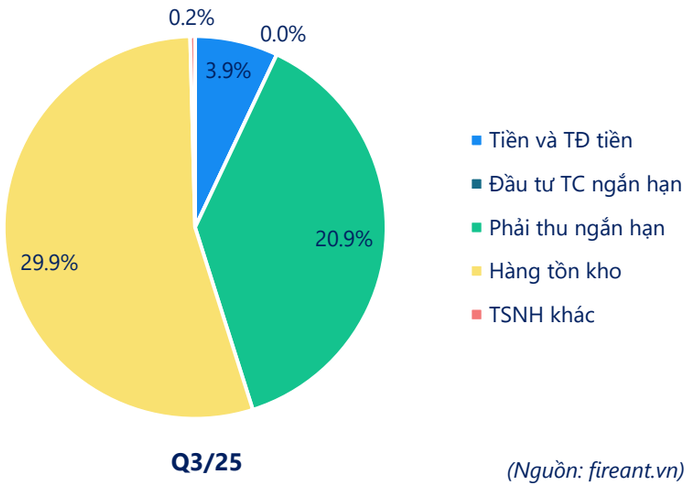
	YTD	1T	3T	6T
UDJ	-7.1%	-1.3%	2.5%	-7.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



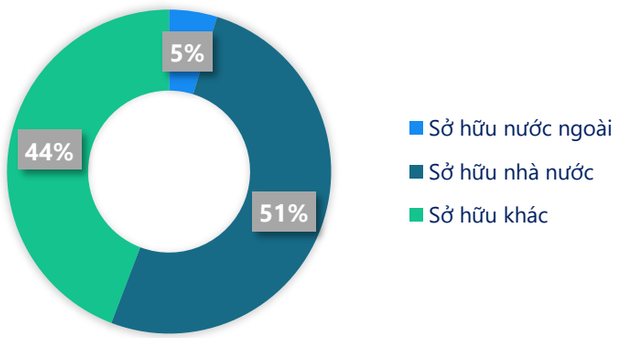
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



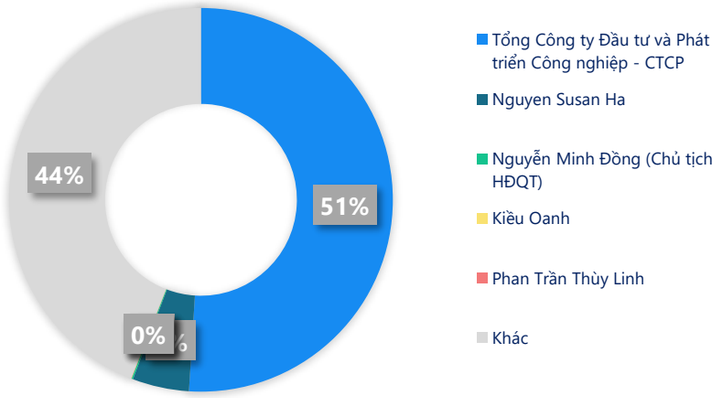
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



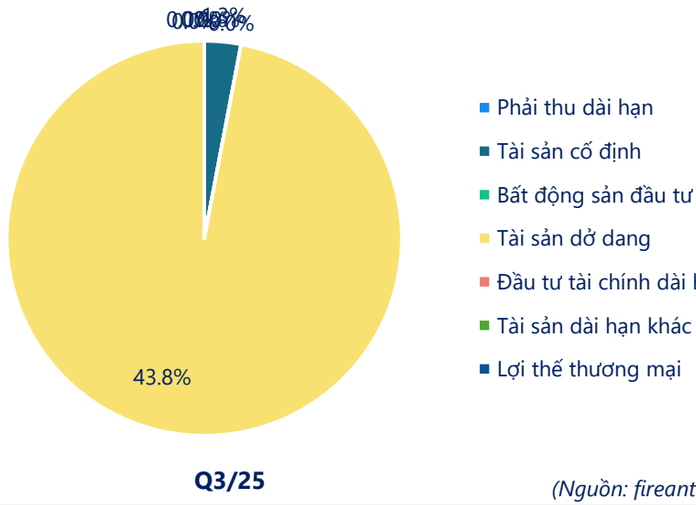
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

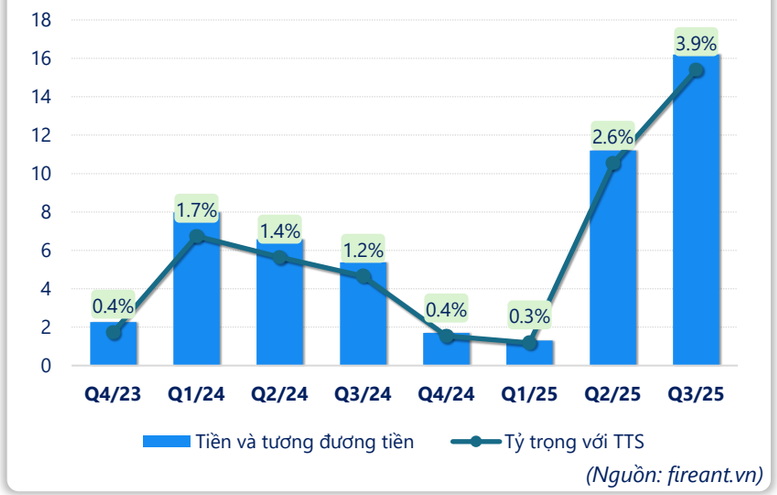


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

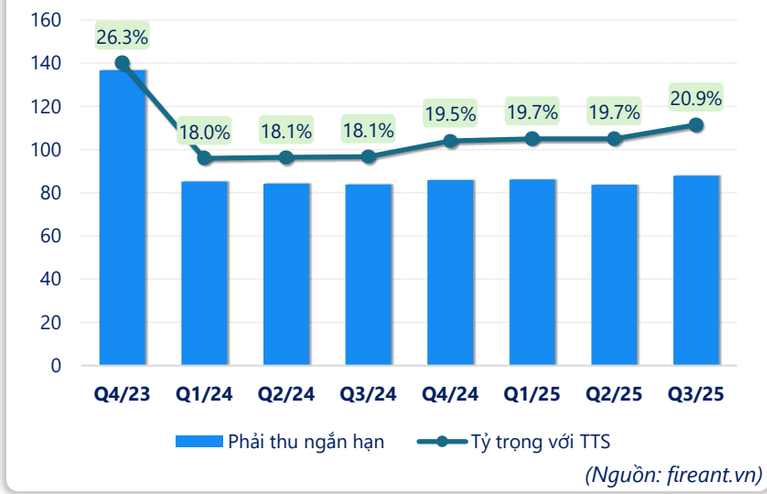
CTCP Phát triển Đô thị (UPCOM: UDJ)

Tiền và tương đương tiền



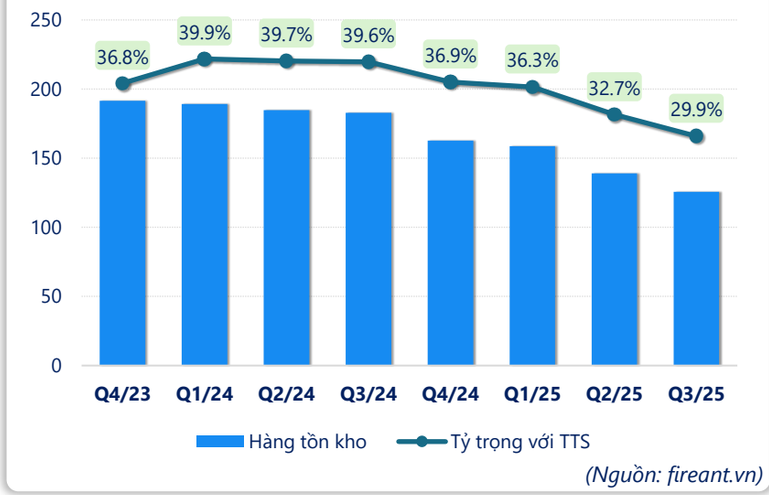
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



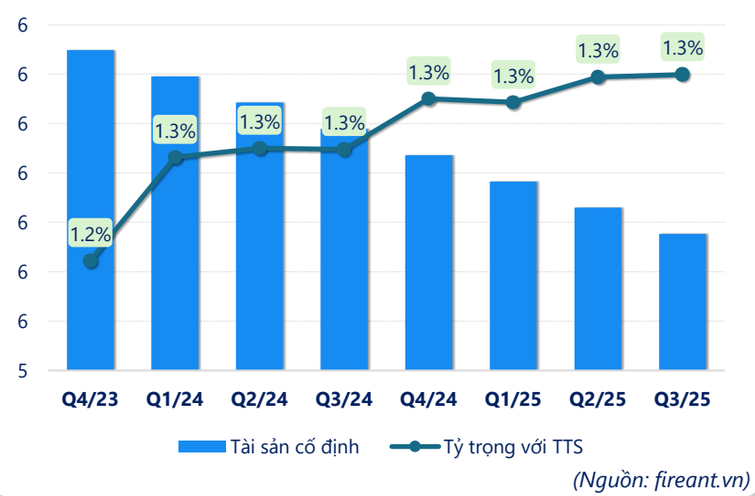
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



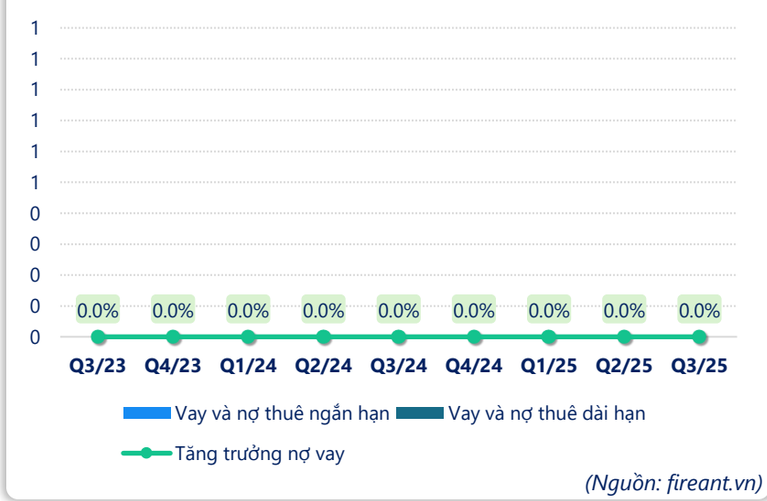
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



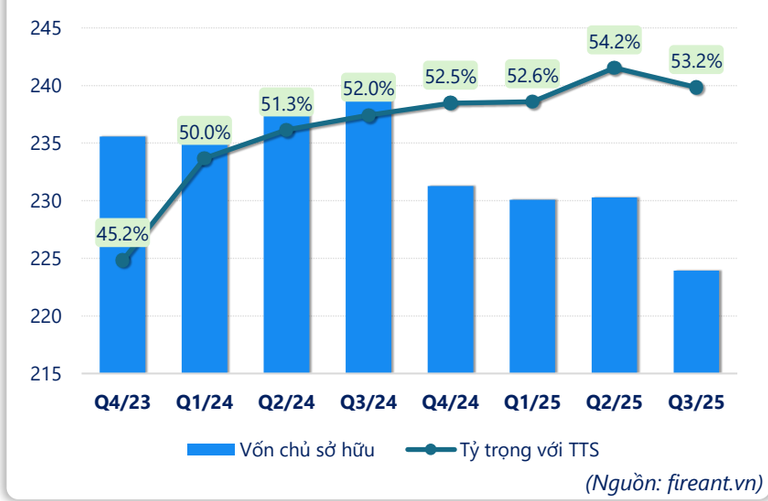
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

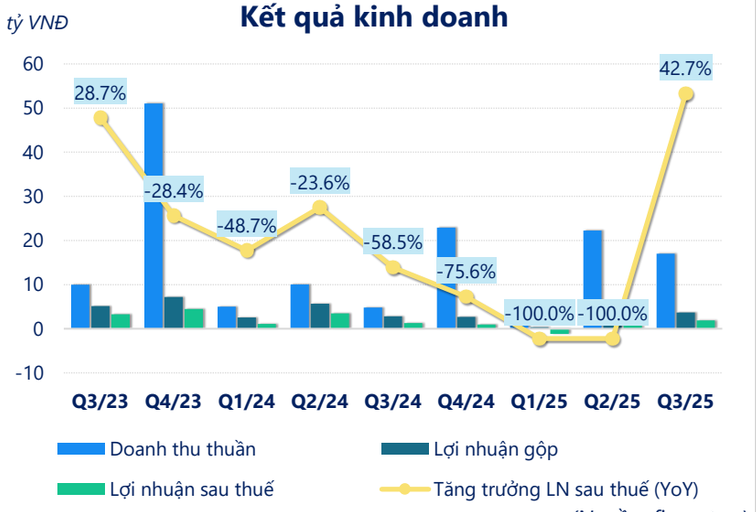
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

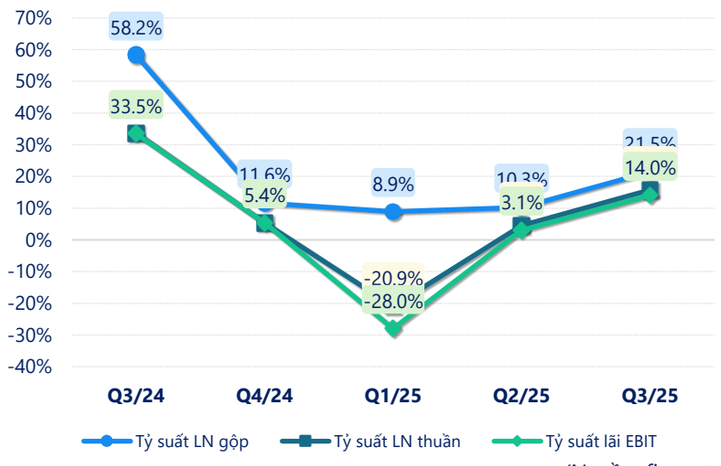
CTCP Phát triển Đô thị (UPCOM: UDJ)

Kết quả kinh doanh



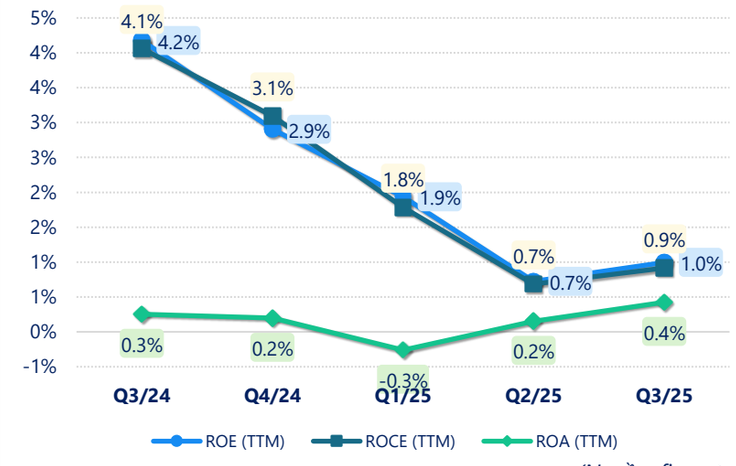
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



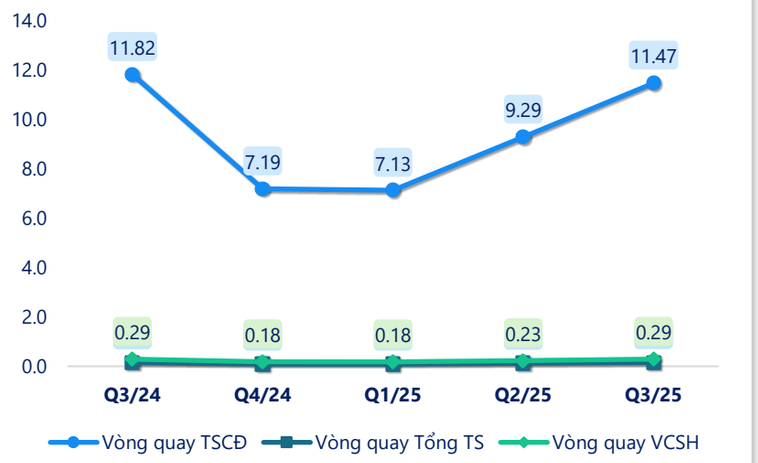
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



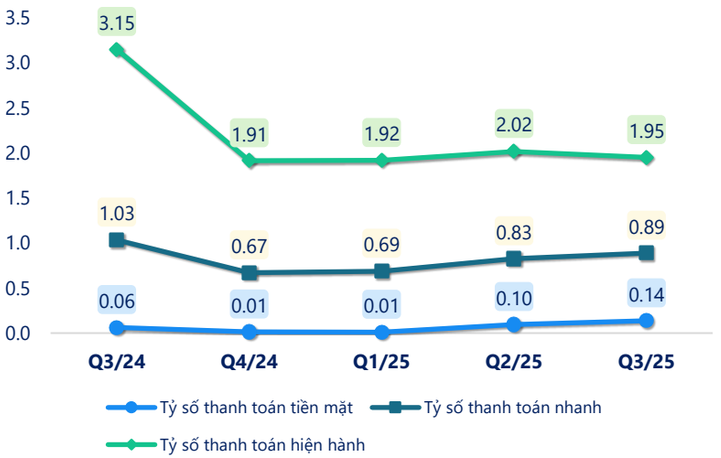
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



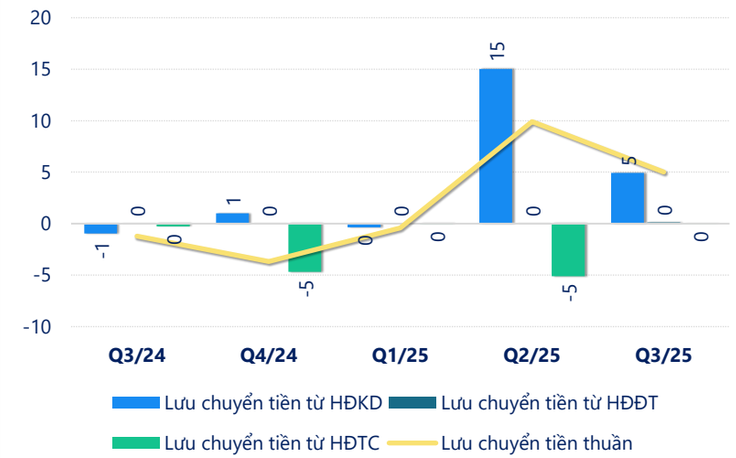
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Phát triển Đô thị (UPCOM: UDJ)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**421**	**440**	**-4.5%**
Tài sản ngắn hạn	231	250	-7.8%
Tiền và tương đương tiền	16.2	1.70	853%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	87.8	85.9	2.3%
Hàng tồn kho	126	163	-22.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.96	0.04	2101%
Tài sản dài hạn	**190**	**190**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	5.68	5.84	-2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	184	184	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.00**	**0.01**	**-52.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	197	209	-6.0%
Nợ ngắn hạn	**118**	**131**	**-9.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	81.4	84.1	-3.1%
Nợ dài hạn	78.3	78.3	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**224**	**231**	**-3.2%**
Vốn chủ sở hữu	**224**	**231**	**-3.2%**
Vốn điều lệ	165	165	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	4.83	22.9	4.24	22.2	17.0
Giá vốn hàng bán	2.02	20.2	3.86	19.9	13.3
Lợi nhuận gộp	2.81	2.66	0.38	2.29	3.65
Doanh thu HĐTC	0.04	0.00	0.00	0.02	0.13
Chi phí TC	0.15	0.09	0.11	0.09	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.07	1.33	1.16	1.20	1.09
LN thuần từ HĐKD	1.62	1.23	-0.89	1.01	2.69
Lợi nhuận khác	-0.01	0	-0.30	-0.33	-0.31
LN trước thuế	1.62	1.23	-1.19	0.68	2.38
Lợi nhuận sau thuế	1.26	0.95	-1.19	0.68	1.87
LNST của CĐ cty mẹ	1.26	0.95	-1.19	0.68	1.87

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.97	1.00	-0.37	15.0	4.92
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.04	0.01	0	0.01	0.11
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.28	-4.69	-0.04	-5.11	-0.03
Tiền đầu kỳ	6.58	5.38	1.70	1.29	11.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.21**	**-3.68**	**-0.41**	**9.91**	**5.00**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.38	1.70	1.29	11.2	16.2

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic